

TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ QUỐC GIA VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Số 1689 /DVKT - VP

Về việc công bố Báo cáo tài chính
hợp nhất bán niên 2014 soát xét

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp. HCM, ngày 28 tháng 8 năm 2014

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Cơ quan đại diện của Ủy ban Chứng khoán nhà nước tại TPHCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : Tổng công ty CP Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam (PTSC)
2. Mã chứng khoán: **PVS**
3. Trụ sở chính : Số 1-5 Lê Duẩn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại : 08.3910 2828 Fax: 08.3910 2929
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đức Thủy
6. Nội dung của thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2014 soát xét của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật dầu khí Việt Nam bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Thuyết minh báo cáo tài chính.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.ptsc.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS (để b/c);
- TGD (để b/c);
- Website: www.ptsc.com.vn;
- Lưu VT, TK. HĐQT.

TU. TỔNG GIÁM ĐỐC

Người công bố thông tin



Nguyễn Đức Thủy

Deloitte.

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT
DẦU KHÍ VIỆT NAM**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014
đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

1001
G C O
C P H
V U K Y
D A U K
E T N
P. H

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	7 - 8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 49



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty mẹ") và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là "Tổng công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đã điều hành Tổng công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Thái Quốc Hiệp	Chủ tịch
Ông Phan Thanh Tùng	Thành viên
Ông Lều Minh Tiến	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Dân	Thành viên
Ông Phạm Văn Dũng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Hương	Thành viên
Ông Đoàn Minh Mẫn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Phan Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tấn Hòa	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trần Toàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Mậu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Đỗ Quốc Hoan	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng công ty trong kỳ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Phan Thanh Tùng *Phan*
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 8 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Quy

D.01
TÓN
C
HCH V
D
VI
VT T
125
HI N
CÔN
INH
ELC
IET
TP.

Số. 147 /VNIA-HC-BC

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính hợp nhất”) được lập ngày 22 tháng 8 năm 2014 của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng công ty”), từ trang 4 đến trang 49. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính hợp nhất này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Võ Thái Hòa
Phó Tổng Giám đốc
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0138-2013-001-1
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 22 tháng 8 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Đào Thái Thịnh
Kiểm toán viên
Chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1867-2013-001-1

Tên Deloitte được dùng để chỉ một hoặc nhiều thành viên của Deloitte Touche Tohmatsu Limited, một công ty TNHH có trụ sở tại Anh, và mạng lưới các hãng thành viên – mỗi thành viên là một tổ chức độc lập về mặt pháp lý. Vui lòng xem tại website www.deloitte.com/about để biết thêm thông tin chi tiết về cơ cấu pháp lý của Deloitte Touche Tohmatsu Limited và các hãng thành viên.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 01-DN/HN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2014	31/12/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		16.811.991.189.293	14.274.189.103.314
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	7.574.278.371.682	5.856.522.432.948
1. Tiền	111		4.753.567.825.022	3.768.758.071.985
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.820.710.546.660	2.087.764.360.963
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.200.000.000	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		18.200.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		8.282.794.110.066	7.533.115.591.334
1. Phải thu khách hàng	131		5.666.833.747.728	5.691.052.445.269
2. Trả trước cho người bán	132		287.963.724.058	241.445.601.195
3. Các khoản phải thu khác	135	5	2.364.360.569.802	1.627.931.536.499
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(36.363.931.522)	(27.313.991.629)
IV. Hàng tồn kho	140	6	745.573.254.948	715.172.489.050
1. Hàng tồn kho	141		749.140.325.223	718.739.559.325
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.567.070.275)	(3.567.070.275)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		191.145.452.597	169.378.589.982
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		85.745.662.104	45.759.440.870
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		70.139.377.245	82.428.585.076
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		2.324.979.479	21.860.262.638
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		32.935.433.769	19.330.301.398
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		9.415.784.190.116	9.542.323.732.634
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		65.000.000	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		690.943.858	684.403.704
2. Phải thu dài hạn khác	218		648.905.846	578.011.961
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		(1.274.849.704)	(1.262.415.665)
II. Tài sản cố định	220		4.963.722.820.017	5.313.423.672.637
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	4.903.304.740.327	5.280.432.849.351
- Nguyên giá	222		10.487.894.866.133	10.390.923.629.472
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.584.590.125.806)	(5.110.490.780.121)
2. Tài sản cố định vô hình	227	8	6.202.693.783	7.192.244.792
- Nguyên giá	228		36.041.161.334	34.434.831.214
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(29.838.467.551)	(27.242.586.422)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	54.215.385.907	25.798.578.494
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.791.956.314.176	3.630.817.465.435
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	11	3.601.176.928.831	3.434.088.882.491
2. Đầu tư dài hạn khác	258	12	224.731.211.875	232.750.449.076
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	12	(33.951.826.530)	(36.021.866.132)
IV. Tài sản dài hạn khác	260		660.040.055.923	598.082.594.562
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	13	657.433.147.370	595.432.314.610
2. Tài sản dài hạn khác	268		2.606.908.553	2.650.279.952
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		26.227.775.379.409	23.816.512.835.948

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 49 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014


MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh		
			30/6/2014	31/12/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		16.365.948.639.711	14.119.990.665.342
I. Nợ ngắn hạn	310		13.121.951.570.690	10.496.051.815.426
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	1.014.200.979.187	1.052.154.168.923
2. Phải trả người bán	312		4.901.625.807.450	3.547.067.886.609
3. Người mua trả tiền trước	313		2.052.626.612.147	1.870.980.045.690
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	266.568.264.032	425.645.394.730
5. Phải trả người lao động	315		266.273.610.608	448.860.968.738
6. Chi phí phải trả	316	16	2.390.905.848.112	1.478.702.441.962
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	17	1.967.232.481.462	1.506.475.934.261
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		262.517.967.692	166.164.974.513
II. Nợ dài hạn	330		3.243.997.069.021	3.623.938.849.916
1. Phải trả dài hạn người bán	331	18	198.803.805.329	265.071.740.439
2. Phải trả dài hạn khác	333		635.505.635	596.944.750
3. Vay và nợ dài hạn	334	19	2.097.961.959.983	2.471.700.422.001
4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	21	60.843.646.275	5.501.918.305
5. Dự phòng phải trả dài hạn	337	20	875.639.176.417	875.639.176.417
6. Doanh thu chưa thực hiện	338		10.112.975.382	5.428.648.004
B. NGUỒN VỐN (400=410)	400		8.350.053.967.108	8.271.188.224.918
I. Vốn chủ sở hữu	410	22	8.350.053.967.108	8.271.188.224.918
1. Vốn điều lệ	411		4.467.004.210.000	4.467.004.210.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		39.545.660.000	39.539.239.837
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		1.554.533.746.267	1.129.645.527.690
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		291.688.817.706	213.347.636.321
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.997.281.533.135	2.421.651.611.070
C. LỢI ÍCH CÓ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	23	1.511.772.772.590	1.425.333.945.688
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		26.227.775.379.409	23.816.512.835.948


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	30/6/2014	31/12/2013
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	136.412.109	112.270.999
Đồng Euro (EUR)	18.933	18.933
Đô la Singapore (SGD)	94.210	-
Bảng Anh (GBP)	1.806	2.131


Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu


Nguyễn Xuân Cường
Kê toán trưởng




Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 8 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 49 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

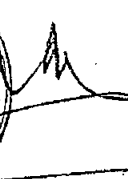
TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

MẪU B 02-DN/HN

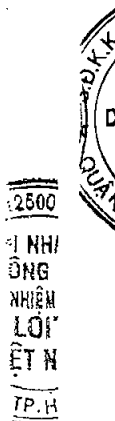
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	25	13.397.169.465.422	11.624.955.504.885
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	-	423.147.543
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	25	13.397.169.465.422	11.624.532.357.342
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	26	12.209.415.051.547	10.607.371.531.754
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		1.187.754.413.875	1.017.160.825.588
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	101.338.272.340	125.210.336.943
7. Chi phí tài chính	22	29	93.123.655.636	113.439.993.969
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		52.598.834.493	82.888.477.777
8. Chi phí bán hàng	24		48.375.356.676	68.321.400.101
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		298.720.366.867	294.431.425.165
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		848.873.307.036	666.178.343.296
11. Thu nhập khác	31	30	71.851.808.351	58.344.144.408
12. Chi phí khác	32	31	8.060.643.244	22.561.911.726
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		63.791.165.107	35.782.232.682
14. Lợi nhuận thuần từ các công ty liên kết, liên doanh	45	32	217.497.635.733	125.431.739.764
15. Lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)	50		1.130.162.107.876	827.392.315.742
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	190.965.807.259	158.984.603.489
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	21	55.341.727.970	75.802.060.312
18. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		883.854.572.647	592.605.651.941
<i>Phân phối cho:</i>				
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61	23	84.245.212.338	50.401.368.798
Lợi ích của cổ đông của Tổng công ty	62		799.609.360.309	542.204.283.143
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34	1.790	1.327


Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu

Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởngPhan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 49 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

Mẫu B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.130.162.107.876	827.392.315.742
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	486.297.779.174	492.463.998.235
Các khoản dự phòng	03	6.992.334.330	(6.396.802.829)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	14.133.097.318	2.152.412.769
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(296.979.827.433)	(104.837.112.222)
Chi phí lãi vay	06	52.598.834.493	82.888.477.777
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.393.204.325.758	1.293.663.289.472
Biến động các khoản phải thu	09	(666.206.793.936)	(2.163.352.560.410)
Biến động hàng tồn kho	10	(30.066.051.035)	(27.115.317.078)
Biến động các khoản phải trả	11	2.140.796.817.210	2.760.061.335.337
Biến động chi phí trả trước	12	(101.349.066.868)	(10.927.064.694)
Tiền lãi vay đã trả	13	(62.857.231.663)	(193.463.498.821)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(304.259.208.503)	(288.887.650.628)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	11.037.398.914	113.054.059
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(92.515.457.038)	(79.140.610.806)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.287.784.732.839	1.290.950.976.431
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định	21	(165.149.033.985)	(118.689.253.287)
2. Tiền thu do thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	22	9.606.408.818	651.721.678
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(18.200.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	8.982.092.221	196.237.074.551
5. Đầu tư vào các công ty khác và đầu tư dài hạn khác	25	(14.971.200.000)	(1.113.024.433.192)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	71.557.196.151
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	67.517.141.979	120.429.246.451
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(112.214.590.967)	(842.838.447.648)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	-	1.042.307.330.000
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	5.000.000.000	3.500.000.000
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(443.680.445.643)	(544.034.220.843)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(36.422.569.000)	(448.386.956.950)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(475.103.014.643)	53.386.152.207
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	1.700.467.127.229	501.498.680.990
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	5.856.522.432.948	5.709.908.975.761
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	17.288.811.505	24.445.487.214
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	7.574.278.371.682	6.235.853.143.965

Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 49 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

Handwritten signature

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 đến ngày 30 tháng 6 năm 2014

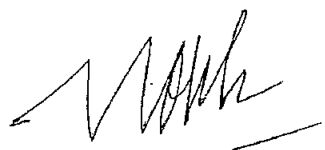
MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: VND

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền chi mua và xây dựng tài sản cố định không bao gồm số tiền 618.919.020.966 đồng là giá trị tài sản mua sắm trong kỳ chưa thanh toán cho người bán tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tại ngày 30 tháng 6 năm 2013: 573.567.827.251 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng được trả điều chỉnh trên phân biến động các khoản phải trả.

Cổ tức đã trả cho cổ đông không bao gồm số tiền 542.441.899.873 đồng là khoản cổ tức chưa thanh toán cho cổ đông tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 (tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 382.606.031.323 đồng). Theo đó, một khoản tiền tương ứng được điều chỉnh trên phân biến động các khoản phải trả.



Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc
Ngày 22 tháng 8 năm 2014
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con (Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là “Tổng công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015198 cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần 6 số 0100150577 ngày 22 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Cổ phiếu của Tổng công ty được niêm yết chính thức tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS. Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PVN”) là cổ đông chính và là công ty mẹ của Tổng công ty.

Tổng số nhân viên của Tổng công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 7.930 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 6.546 người).

Tổng công ty có 11 công ty con và 07 chi nhánh trực thuộc như sau:

- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý Dự án Đầu tư Xây dựng PTSC
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Quản lý dự án Nhiệt điện Long Phú
- Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Quảng Bình
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát Công trình ngầm PTSC
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC
- Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV
- Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa
- Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ
- Công ty Cổ phần Cảng Dịch Vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ.
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam.

Hoạt động chính

Dịch vụ phục vụ hoạt động khảo sát địa vật lý - địa chất công trình, dịch vụ lặn, dịch vụ cung cấp ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và công trình công nghiệp, dân dụng; dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí; sửa chữa các công trình dầu khí biển; các dịch vụ sinh hoạt dầu khí (Không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar); dịch vụ quản lý, khai thác các tàu chứa dầu (FSO), tàu chứa xử lý dầu thô (FPSO), các tàu dịch vụ, tàu vận chuyển các sản phẩm dầu và khí; dịch vụ quản lý điều hành kinh doanh, khai thác cảng, căn cứ dịch vụ kỹ thuật dầu khí; dịch vụ quản lý tổ chức thực hiện các hoạt động trong lĩnh vực cơ khí hàng hải; dịch vụ chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị, thực phẩm phục vụ ngành dầu khí, dịch vụ thủ tài, kiểm tra không phá hủy, xử lý nhiệt trước và sau hàn, dịch vụ hạ thủy, nâng hạng nặng, cân.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng công ty được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số liệu thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty mẹ và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty mẹ kiểm soát (các công ty con) được lập cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong Tổng công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của

1577
TY
H
1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty mẹ trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty mẹ có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty mẹ. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty mẹ tại công ty liên kết đó không được ghi nhận.

Góp vốn liên doanh

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Công ty mẹ và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Công ty mẹ lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, các khoản góp vốn liên doanh được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty mẹ vào phần tài sản thuần của công ty liên doanh sau ngày góp vốn vào công ty liên doanh.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán và phải trả khác và chi phí phải trả.

002
ANH
TY
HUUH
TE
AM
SCHI

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và chi phí liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và khi giá ghi sổ của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá tài sản cố định được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được tài sản cố định. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được phê duyệt. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 40
Máy móc, thiết bị	3 - 20
Phương tiện vận tải	5 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản khác	4 - 14

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và các phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất lâu dài theo quy định hiện hành thì không tính khấu hao. Phần mềm máy tính được khấu hao trong thời gian 3 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm cả chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng cơ bản của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cấp có thẩm quyền.

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm quyền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền thuê văn phòng, chi phí thiết bị sửa chữa, giá trị còn lại của tài sản cố định không đủ tiêu chuẩn theo Thông tư số 45 và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo thời gian sử dụng của lô đất.

Tiền thuê văn phòng trả trước liên quan đến việc thuê văn phòng Tổng công ty tại tòa nhà số 1-5 Lê Duẩn với thời hạn 50 năm bắt đầu từ tháng 10 năm 2010. Tổng công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.

Các chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm các công cụ dụng cụ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng công ty với thời hạn từ một năm trở lên, và tài sản cố định không thỏa mãn điều kiện là tài sản cố định theo hướng dẫn của Thông tư 45. Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng thực tế.

Đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu với tỷ lệ sở hữu nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư, các khoản cho vay và đầu tư dài hạn khác được hạch toán theo giá gốc bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến khoản đầu tư. Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành.

Thuê hoạt động

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản.

Tổng công ty là bên cho thuê

Doanh thu từ các khoản cho thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Chi phí trực tiếp phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tổng công ty là bên đi thuê

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu khi ký hợp đồng thuê được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

MAH

1001
G CÔ
Ó PH
TU KỶ
ÁU K
T N
HỒ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng công ty có quyền nhận khoản lãi (trừ các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết, liên doanh).

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ hoạt động được tính bằng tỷ lệ giữa khối lượng công việc thực tế hoàn thành và khối lượng công việc theo kế hoạch, hoặc tính bằng tỷ lệ giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ hoạt động so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng tài sản cố định cho năm tài chính trước khi được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản (được vốn hóa); chi phí đi vay phát sinh sau khi tài sản đã đưa vào sử dụng, kinh doanh được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

505
IG T
ÁN
THU
HÍ
M
CHI
N
TH
TP

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp phản ánh tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì lợi nhuận thuần không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên bảng cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả kinh doanh hợp nhất và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và thuế thu nhập hoãn lại của Tổng công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	8.032.399.493	5.953.172.178
Tiền gửi ngân hàng	4.743.921.958.244	3.762.787.202.400
Tiền đang chuyển	1.613.467.285	17.697.407
Các khoản tương đương tiền	2.820.710.546.660	2.087.764.360.963
	<u><u>7.574.278.371.682</u></u>	<u><u>5.856.522.432.948</u></u>

Các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại trong nước có thời hạn gửi dưới 3 tháng với lãi suất từ 5%/năm đến 5,8%/năm và bao gồm số tiền 3.069.345.732 đồng là khoản được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Tổng công ty.

T. C. T. C. A. S
 AT
 H. Y. S. U. T. E. M. N. O. N.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất (i)	124.740.417.492	135.242.585.846
Công ty Saipem Asia Sdn Bhd (ii)	11.691.853.169	11.691.853.169
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú - Sông Hậu (iii)	572.075.082.100	561.165.082.100
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (iv)	228.755.275.888	228.630.275.888
Công ty Cổ phần Thương Mại Dầu khí (Petechim)	-	18.360.000.000
Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch (v)	230.819.875.570	230.819.875.570
Talisman Malaysia Limited (vi)	25.810.275.000	16.483.209.377
Gulf Marine Far East (Pte) Ltd	4.860.141.266	4.059.696.445
Yinson Offshore Ltd	4.262.499.740	4.262.499.740
PVEP Overseas Exploration Production Operating Co., Ltd (vii)	9.223.591.072	9.097.799.325
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PVN) (vii)	3.600.534.469	2.927.589.014
Công ty Liên doanh Điều hành Cửu Long (vii)	2.393.043.210	3.087.424.212
CGG Services (Singapore) Pte Ltd (vii)	2.379.697.131	48.426.101.429
Liên doanh Dầu khí Việt Nga (vii)	25.166.790.660	15.747.405.061
PT CGG Services Indonesia (vii)	117.904.334.175	128.543.085.418
Công ty TNHH Một Thành Viên Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước (vii)	305.198.076.662	438.604.519
Công ty Liên doanh Điều hành Hoàng Long	-	19.724.468.088
Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông	14.151.667.803	23.719.193.800
Giá trị XDCB điều chỉnh tạm thời của Kiểm toán Nhà nước năm 2012	11.316.565.122	11.316.565.122
Văn phòng đại diện của Eni Vietnam BV - Lô 120	-	8.066.649.677
Công ty CP Đầu tư Phát triển công nghệ Điện tử Viễn thông	11.516.550.273	11.516.550.273
Thuế GTGT chưa được khấu trừ	28.353.654.316	27.060.352.873
Thuế GTGT nhà thầu nước ngoài chưa đủ điều kiện được khấu trừ	22.836.749.308	37.859.426.760
Công ty Penta - Ocean Construction Co, Ltd (viii)	27.918.497.480	-
Công ty TNK Vietnam B.V (vii)	17.750.471.304	-
Gardline CGG Pte Ltd (vii)	35.990.547.804	-
Văn phòng điều hành	-	-
Murphy Nha Trang Oil Co., Ltd	11.293.887.711	-
Tổ hợp nhà Thầu JGCS	18.224.463.603	-
Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Khí (vii)	79.818.603.856	-
Công ty Điều hành chung Lam Sơn (ix)	332.932.312.500	-
Phải thu khác	83.375.111.118	69.685.242.793
	<u>2.364.360.569.802</u>	<u>1.627.931.536.499</u>

(i) Phải thu khác từ Công ty Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất là khoản phải thu về việc chuyển nhượng 15 triệu cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu dầu khí Nhơn Trạch (trước đây là Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Phương tiện nổi PTSC). Khoản phải thu này có thể được bù trừ với khoản công nợ phải trả liên quan đến dự án này cho Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (xem Thuyết minh 17) sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- (ii) Khoản phải thu từ Công ty Saipem Asia Sdn Bhd là khoản chi hộ của dịch vụ đại-lý tàu biển-mà Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí thực hiện cho Công ty Saipem Asia Sdn Bhd.
- (iii) Khoản phải thu từ Ban Quản lý Dự Án Điện Lực Dầu Khí Long Phú - Sông Hậu - Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm khoản phải thu từ doanh thu trích trước theo tiến độ hoàn thành từ mốc số 9 đến mốc số 16 của hạng mục san lấp mặt bằng và doanh thu phí quản lý.
- (iv) Khoản phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam liên quan đến công trình đóng mới kho nổi FSO5 mà Công ty mẹ là chủ đầu tư và Tổng công ty Công nghiệp Tàu Thủy Việt Nam (Vinashin) là nhà thầu thực hiện. Khoản phải thu này sẽ được bù trừ với công nợ phải trả cho Vinashin như đã nêu ở Thuyết minh số 17 bên dưới khi hai bên quyết toán giá trị tài sản này.
- (v) Phải thu khác từ Công ty Cổ phần Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch thể hiện khoản phải thu liên quan đến việc chuyển giao giá trị xây dựng cơ bản dở dang của Dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch mà Tổng công ty nhận bàn giao từ Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "PVN") theo Nghị quyết số 7090/NQ-DKVN ngày 12 tháng 8 năm 2010 của PVN và Nghị quyết số 2047/NQ-DVKT-HDQT ngày 05 tháng 7 năm 2011 của Tổng công ty. Khoản phải thu này có thể được điều chỉnh và được bù trừ với khoản công nợ phải trả liên quan đến dự án này cho PVN (xem Thuyết minh 17) sau khi việc chuyển nhượng dự án Nhà máy Đóng tàu Đặc chủng Nhơn Trạch được phê duyệt chính thức.
- (vi) Khoản phải thu Talisman Malaysia Limited là khoản phải thu về trích trước doanh thu dịch vụ đã cung cấp trong quý 2 năm 2014 cho Talisman Malaysia Limited.
- (vii) Phải thu khác từ CGG Services (Singapore) Pte Ltd, PT CGG Services Indonesia, Tập Đoàn Dầu khí Việt Nam, Liên doanh Dầu khí Việt Nga, Công ty Liên doanh Điều hành Cừ Long, Công ty TNHH Một Thành Viên Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước, PVEP Overseas Exploration Production Operating Co., Ltd, Chi nhánh Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Khí, Gardline CGG Pte Ltd, Công ty TNK Vietnam B.V là những khoản trích trước doanh thu của dịch vụ khảo sát địa chấn 2D/3D đã thực hiện trong Quý 2 năm 2014.
- (viii) Phải thu khác từ Công ty Penta - Ocean Construction Co, Ltd - nhà thầu phụ của Boskalis là khoản nộp hộ thuế tạm nhập - tái xuất liên quan đến nhiên liệu tồn trên tàu và các thiết bị của Penta khi vào Việt Nam để thực hiện nạo vét cảng Nghi Sơn. Khoản phải thu này sẽ được bù trừ với công nợ phải trả cho Bokalis- nhà thầu chính kí hợp đồng với Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam khi hai bên quyết toán hợp đồng.
- (ix) Phải thu khác từ Công ty Điều hành chung Lam Sơn (Lam Sơn JOC) là khoản phải thu trích trước doanh thu cho thuê kho nổi FPSO Lam Sơn và dịch vụ O&M đã cung cấp cho Lam Sơn JOC; và khoản phải thu liên quan khác.

MAK

010
ỔNG
CỔ P
I VU
ĐÁU
VIỆT
P. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	46.785.000	3.314.387.789
Nguyên liệu, vật liệu	160.922.156.893	142.644.312.563
Công cụ, dụng cụ	14.179.019.272	9.542.370.236
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang (*)	562.196.863.039	555.428.278.750
Hàng hóa	11.795.501.019	7.810.209.987
	<u>749.140.325.223</u>	<u>718.739.559.325</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(3.567.070.275)	(3.567.070.275)
	<u><u>745.573.254.948</u></u>	<u><u>715.172.489.050</u></u>

(*) Chi tiết chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	274.173.592.409	266.751.089.849
Dự án Ruby A Gaslift	87.020.794.885	86.734.905.657
Dự án Húc Mộc Tĩnh	-	26.703.440.438
Dự án Bio Ethanol	74.762.008.943	68.951.881.380
Dịch vụ tàu dầu khí	14.878.233.366	53.538.470.711
Dịch vụ cần cù cảng	1.626.154.603	18.772.064.355
Dịch vụ khảo sát địa chấn 2D/3D	21.285.901.962	-
Dự án Húc Sư Tử Nâu	23.577.508.467	-
Dự án RBI	8.614.501.401	-
Dự án nhà máy lọc dầu Dung Quất	16.413.446.265	-
Dự án Liên Hiệp Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn - Thanh Hóa	-	-
SSF9	6.847.234.425	-
Dịch vụ FSO/FPSO	9.456.847.186	13.696.724.603
Khác	23.540.639.127	20.279.701.757
Tổng	<u><u>562.196.863.039</u></u>	<u><u>555.428.278.750</u></u>

0150
CÔNG
HÀNH
CỠ TH
KHÍ
NAM
ĐỒ CH
KH
L
ET
TP

MKH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU B 09 - DN/HN****7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2014	2.924.717.793.928	1.338.544.738.527	6.036.933.473.935	87.794.423.849	2.933.199.233	10.390.923.629.472
Mua sắm trong kỳ	1.648.486.865	41.543.082.850	45.576.061.465	7.282.142.961	-	96.049.774.141
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	2.603.241.715	3.658.044.916	-	-	-	6.261.286.631
Tăng do mua bán, chuyển đổi	925.575.697	155.000.000	7.469.372.468	1.558.501.517	-	10.108.449.682
Tăng khác	-	-	-	43.370.000	-	43.370.000
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.217.706.675)	(12.046.601.037)	(37.011.000)	-	(15.301.318.712)
Giảm khác	(625.081)	(189.700.000)	-	-	-	(190.325.081)
Tại ngày 30/6/2014	2.929.894.473.124	1.380.493.459.618	6.077.932.306.831	96.641.427.327	2.933.199.233	10.487.894.866.133
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2014	1.347.165.346.495	551.480.638.431	3.148.293.325.670	62.330.778.568	1.220.690.957	5.110.490.780.121
Trích khấu hao trong kỳ	81.237.247.566	88.047.442.539	307.065.284.611	7.586.020.305	204.333.152	484.140.328.173
Tăng do mua bán, chuyển đổi	314.702.656	53.819.448	3.259.385.671	603.098.228	-	4.231.006.003
Tăng khác	883.506.702	-	-	-	-	883.506.702
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.146.044.901)	(11.900.633.144)	(37.011.000)	-	(15.083.689.045)
Giảm khác	-	(71.806.148)	-	-	-	(71.806.148)
Tại ngày 30/6/2014	1.429.600.803.419	636.364.049.369	3.446.717.362.808	70.482.886.101	1.425.024.109	5.584.590.125.806
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 30/6/2014	<u>1.500.293.669.705</u>	<u>744.129.410.249</u>	<u>2.631.214.944.023</u>	<u>26.158.541.226</u>	<u>1.508.175.124</u>	<u>4.903.304.740.327</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.577.552.447.433</u>	<u>787.064.100.096</u>	<u>2.888.640.148.265</u>	<u>25.463.645.281</u>	<u>1.712.508.276</u>	<u>5.280.432.849.351</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Như trình bày tại Thuyết minh số 19, Tổng công ty đã thế chấp các tài sản hình thành từ vốn vay với nguyên giá tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 4.336.840 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 4.304.009 triệu đồng) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Nguyên giá của các tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 là 2.030.283 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.972.575 triệu đồng).

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm máy tính <u>VND</u>	Tài sản cố định vô hình khác <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 01/01/2014	1.310.220.000	33.124.611.214	-	34.434.831.214
Mua trong kỳ	-	663.140.120	-	663.140.120
Tăng do mua bán, chuyển đổi	-	911.190.000	32.000.000	943.190.000
Tại ngày 30/6/2014	<u>1.310.220.000</u>	<u>34.698.941.334</u>	<u>32.000.000</u>	<u>36.041.161.334</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 01/01/2014	-	27.242.586.422	-	27.242.586.422
Khấu hao trong kỳ	-	2.153.440.220	4.010.781	2.157.451.001
Tăng do mua bán, chuyển đổi	-	420.381.611	18.048.517	438.430.128
Tại ngày 30/6/2014	-	<u>29.816.408.253</u>	<u>22.059.298</u>	<u>29.838.467.551</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 30/6/2014	<u>1.310.220.000</u>	<u>4.882.533.081</u>	<u>9.940.702</u>	<u>6.202.693.783</u>
Tại ngày 31/12/2013	<u>1.310.220.000</u>	<u>5.882.024.792</u>	-	<u>7.192.244.792</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	-30/6/2014	-31/12/2013
	VND	VND
PTSC Tower Vũng Tàu	8.620.653.020	8.620.653.020
Phần mềm Quản lý nhân sự tiền lương	1.079.746.500	1.079.746.500
Cầu tháp 16 tấn	2.467.320.542	-
Văn phòng làm việc PTSC Hà Nội	2.120.212.883	1.925.111.065
Phần mềm giải pháp PDMS	4.935.870.720	4.935.870.720
Máy cắt thép tấm CNC	-	3.358.044.916
Nâng cấp bến Sà lan Cảng Phú Mỹ	4.732.616.112	3.523.360.000
Dự án xây dựng 02 xưởng chống ăn mòn PTSC Thanh Hóa	2.558.002.363	-
Chế tạo các thiết bị nâng hạ phục vụ cho tàu FPSO Lam Sơn	2.014.935.641	-
Dự án thi công xây dựng đường bãi và mạng kỹ thuật	8.525.474.033	-
Đầu tư xây dựng mở rộng cầu Cảng Đình Vũ	2.403.179.262	600.244.983
Dự án cải tạo nhà Chuyên gia nhận từ khu vực Vinashin thành văn phòng cho thuê	1.230.834.273	-
Thi công cải tạo xử lý nước thải Khách sạn Dầu khí Vũng Tàu	1.047.770.000	-
Đầu tư xây dựng Xưởng cơ khí - Khu Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Dung Quất	4.517.453.992	-
Đầu tư Nhà son di động tại Xưởng cơ khí - Khu Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Dung Quất	1.854.212.897	-
Xây dựng cơ bản dở dang khác	6.107.103.669	1.755.547.290
	<u>54.215.385.907</u>	<u>25.798.578.494</u>

10. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty mẹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên công ty con	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %		Hoạt động chính
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty TNHH MTV Dịch vụ cơ khí Hàng hải PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khách sạn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC	Việt Nam	100,00	100,00	Dịch vụ khảo sát và công trình ngầm
Công ty Cổ phần Dịch vụ dầu khí Quảng Ngãi PTSC	Việt Nam	95,19	95,19	Thương mại, xây dựng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí biển PTSC	Việt Nam	84,95	84,95	Vận hành và bảo dưỡng công trình dầu khí
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Việt Nam	54,69	54,69	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Việt Nam	59,61	59,61	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (i)	Việt Nam	51,00	69,91	Dịch vụ dầu khí
Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC CGGV	Việt Nam	51,00	51,00	Dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn 2D, 3D

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

- (i) Ngày 17 tháng 10 năm 2013, Hội đồng Quản trị Tổng công ty đã ban hành nghị quyết số 802/NQ-DVKT-HĐQT về việc nhận chuyển nhượng cổ phần Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (PV Security). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng công ty đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng 420.000 cổ phần của Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn tại công ty PV Security, theo đó, số lượng cổ phần sở hữu của Tổng công ty tại PV Security tăng từ 1.110.000 cổ phần, tương đương 37% vốn điều lệ lên 1.530.000 cổ phần, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, PV Security đã trở thành công ty con của Tổng công ty theo quy định.

11. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Giá trị khoản đầu tư gốc	2.798.733.240.787	2.799.062.040.787
Phần kết quả thuần từ các công ty liên kết, liên doanh:		
Lũy kế các năm trước	635.026.841.704	449.856.787.600
Lợi nhuận được chia trong kỳ/năm	217.497.635.733	319.397.075.604
Trừ: Cổ tức được chia trong kỳ/năm	(47.369.400.000)	(134.227.021.500)
Điều chỉnh lợi nhuận	(2.711.389.393)	-
	<u><u>3.601.176.928.831</u></u>	<u><u>3.434.088.882.491</u></u>

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết, liên doanh tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Tên công ty	Địa điểm	Tỷ lệ sở hữu %		Hoạt động chính
		Theo giấy phép đầu tư	Theo vốn thực góp	
Công ty Liên doanh Rừng Đồi MV12	Singapore	33,00	33,00	Dịch vụ dầu khí
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited (i)	Malaysia	49,00	49,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (ii)	Malaysia	60,00	60,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Dầu khí Sao Mai - Bến Đình	Việt Nam	42,05	42,05	Dịch vụ căn cứ cảng
Công ty Cổ phần chế tạo Giàn khoan Dầu khí	Việt Nam	28,75	28,75	Dịch vụ chế tạo, lắp đặt công trình dầu khí
Công ty Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (iii)	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (iv)	Singapore	51,00	51,00	Dịch vụ khai thác kho chứa nổi FSO, FPSO
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà (v)	Việt Nam	49,95	49,95	Dịch vụ căn cứ cảng

- (i) Malaysia Vietnam Offshore Terminal Limited (gọi tắt là "MVOT") là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhad từ năm 2009 để đầu tư kho nổi FSO "Orkid" sức chứa 650.000 thùng dầu để cho khách hàng Talisman Malaysia Limited thuê trong vòng 10 năm, phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chồng lấn thương mại PM-3 giữa Việt Nam và Malaysia. Kho nổi FSO "Orkid" đã đi vào hoạt động từ năm 2009.
- (ii) Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập giữa Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhad từ năm 2009, trong đó Tổng công ty chiếm 60% vốn để sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu FPSO "Ruby II" phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của khách hàng Petronas. Từ tháng 6 năm 2010, kho nổi "FPSO Ruby II" đã bắt đầu hoạt động và đưa vào vận hành khai thác.
- (iii) Liên doanh PTSC South East Asia Pte Ltd (gọi tắt là "PTSC SEA") là liên doanh đồng kiểm soát được thành lập trong tháng 9 năm 2011 bởi Tổng công ty cùng với đối tác Yinson Holdings Berhad (Malaysia) theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHDT-DTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

ngày 31 tháng 10 năm 2011 để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu (FSO) phục vụ Dự án Biển Đông 1. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 Đô-la-Mỹ, tương đương 3.071.478 triệu đồng, trong đó vốn góp là 37.329.582 Đô-la Mỹ chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó vốn góp của Tổng công ty là 19.038.087 Đô-la Mỹ, tương đương 391.613 triệu đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Hoạt động của liên doanh là đầu tư và sở hữu FSO "PTSC Biển Đông 01"; cho Tổng công ty thuê tàu trần FSO; tiếp thị và cho thuê tàu sau khi hết hạn hợp đồng; các nội dung công việc khác theo điều lệ công ty. PTSC SEA đã đi vào hoạt động từ năm 2011. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC SEA là 16.320.000 Đô-la Mỹ, tương đương 340.800.232.500 đồng.

- (iv) Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd (gọi tắt là "PTSC AP") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong năm 2012 bởi Tổng công ty cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHĐT-ĐTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu (FPSO) cho Công ty Điều hành chung Lam Sơn (Lam Sơn JOC) thuê phục vụ phát triển lô 01/97 và lô 02/97 thuộc vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 399.988.087 Đô-la Mỹ, tương đương 8.319.752.209.600 đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 Đô-la Mỹ chiếm 30% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Trong đó, Tổng công ty góp là 61.198.177 Đô-la Mỹ, tương đương 1.272.922.081.600 đồng chiếm 51% vốn điều lệ. Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện góp vốn vào Liên doanh PTSC AP là 51.000.000 Đô-la Mỹ, tương đương 1.069.026.300.000 đồng.
- (v) Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà là Công ty cổ phần được thành lập từ vốn góp của Tổng công ty, Công ty TNHH MTV Cảng Đà Nẵng và một cá nhân khác theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0401539487 cấp ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng. Công ty có vốn điều lệ là 250.000.000.000 đồng, trong đó vốn góp của Tổng công ty là 124.875.000.000 đồng, tương đương 49,95% vốn điều lệ của Công ty.

12. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Cho vay Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12 (i)	90.948.168.165	98.967.405.366
Đầu tư góp vốn vào công ty cổ phần khác	<u>133.783.043.710</u>	<u>133.783.043.710</u>
	<u>224.731.211.875</u>	<u>232.750.449.076</u>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (ii)	<u>(33.951.826.530)</u>	<u>(36.021.866.132)</u>
	<u><u>190.779.385.345</u></u>	<u><u>196.728.582.944</u></u>

- (i) Khoản cho vay Công ty Liên doanh Rông Đồi MV12 được hưởng lãi suất BBA LIBOR cộng biên độ cố định và sẽ được hoàn trả hết vào ngày 30 tháng 9 năm 2016. Khoản cho vay nói trên được thực hiện theo thỏa thuận của hợp đồng số 235-2006/PTSC-TCKT/MDV ngày 22 tháng 11 năm 2006 với Công ty Liên doanh Rông Đồi MV Pte, Ltd., và không có bảo đảm. Mục đích của khoản cho vay này nhằm cung cấp vốn đóng mới tàu "Rông Đồi MV12" (FSO). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, số dư khoản cho vay này tương đương 4.269.867 Đô-la Mỹ, tương đương 90.948.168.165 đồng.
- (ii) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn khác và trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này theo các quy định hiện hành.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi tiết biến động trong kỳ của các khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

	Đầu tư dài hạn khác
	<u>VND</u>
Tại ngày 31/12/2012	15.441.609.335
Trích lập dự phòng bổ sung trong năm	20.675.870.467
Hoàn nhập dự phòng	(95.613.670)
Tại ngày 31/12/2013	36.021.866.132
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	1.332.195.308
Hoàn nhập dự phòng	(3.402.234.910)
Tại ngày 30/6/2014	<u>33.951.826.530</u>

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn (i)	315.638.746.919	317.886.539.863
Thuê đất tại Khu kinh tế Đình Vũ (ii)	126.543.452.993	128.470.510.655
Chi phí sửa chữa tàu Bình Minh 02	10.728.234.709	15.019.528.597
Chi phí sửa chữa tàu CGGV Amadues	32.455.452.458	-
Chi phí vật tư, thiết bị tàu CGGV Amadeus, Bình Minh 02 (iii)	99.439.695.441	108.716.320.328
Giá trị còn lại của TSCĐ không đủ tiêu chuẩn theo TT45 chờ phân bổ	537.659.331	2.017.650.859
Giá trị công cụ dụng cụ chờ phân bổ	4.502.130.720	2.086.515.337
Phân bổ chi phí sửa chữa tàu PTSC Surveyor	2.652.790.984	4.421.318.308
Chi phí trang thiết bị, dụng cụ nội thất văn phòng mới	987.851.832	1.646.419.718
Chi phí sửa chữa văn phòng của PTSC G&S	1.374.433.759	-
Chi phí sửa chữa tàu PTSC Researcher 106	13.693.707.708	-
Chi phí pre operation dự án FPSO Lam Son	38.347.504.877	-
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	10.531.485.639	15.167.510.945
	<u>657.433.147.370</u>	<u>595.432.314.610</u>

- (i) Khoản trả trước tiền thuê văn phòng tại số 1-5 Lê Duẩn bắt đầu từ tháng 10 năm 2010, thời hạn thuê 50 năm. Tổng công ty phân bổ khoản tiền thuê này vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời gian thuê và diện tích sử dụng hàng năm.
- (ii) Công ty Cổ phần Cảng dịch vụ Dầu khí Đình Vũ đã thực hiện thuê 138.269 m² đất tại khu kinh tế Đình Vũ - Hải Phòng của Công ty Liên doanh TNHH Phát triển Đình Vũ (nay là Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Đình Vũ) với mục đích đầu tư xây dựng Căn cứ Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí và Cảng phục vụ Khu Công nghiệp. Thời hạn thuê đất từ tháng 10 năm 2007 đến tháng 4 năm 2047. Giá trị quyền sử dụng đất thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ tháng 7 năm 2008 đến hết thời hạn của hợp đồng thuê đất.
- (iii) Chi phí vật tư, thiết bị tàu CGGV Amadues, Bình Minh 02 thể hiện các khoản chi phí sửa chữa, bảo trì các thiết bị trên tàu Amadues và Bình Minh 02. Chi phí thiết bị được phân bổ theo phương pháp đường thẳng từ 2 năm đến 6 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam (PVcomBank)	228.630.275.888	228.630.275.888
Vay dài hạn đến hạn trả	785.570.703.299	823.523.893.035
	<u>1.014.200.979.187</u>	<u>1.052.154.168.923</u>

Khoản vay ngắn hạn với số tiền là 228.630.275.888 đồng từ PVcomBank (trước đây là Tổng công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam - PVFC) bắt đầu từ ngày 30 tháng 9 năm 2013 và thời gian đáo hạn là ngày 30 tháng 9 năm 2014. Trước đây, mục đích của khoản vay này nhằm bổ sung vốn lưu động tạm ứng thanh toán chi phí đóng kho nôi FSO5. Hiện tại, Tổng công ty đã nhượng lại kho nôi này cho Liên doanh Dầu khí Việt Nga (gọi tắt là "VSP"). Khoản vay này có mức lãi suất ưu đãi là 0%/năm và không có tài sản đảm bảo.

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	97.919.619.642	56.158.384.238
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	98.839.818.955	231.089.022.957
Thuế thu nhập cá nhân	6.524.391.028	20.659.990.884
Các loại thuế khác	63.284.434.407	117.737.996.651
	<u>266.568.264.032</u>	<u>425.645.394.730</u>

Chi tiết tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước theo từng loại thuế như sau:

	31/12/2013	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2014
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	56.158.384.238	567.327.100.951	525.565.865.547	97.919.619.642
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	42.101.592.392	42.101.592.392	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	8.465.378.231	8.465.378.231	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	209.235.499.003	191.637.083.015	304.259.208.503	96.613.373.515
Thuế thu nhập cá nhân	20.653.252.200	79.244.787.307	93.472.182.518	6.425.856.989
Thuế nhà đất	-	1.868.612.865	1.868.612.865	-
Thuế môn bài	-	52.100.000	48.000.000	4.100.000
Các loại thuế khác	117.737.996.651	355.302.537.478	409.760.199.722	63.280.334.407
Các khoản khác	-	77.214.001	77.214.001	-
	<u>403.785.132.092</u>	<u>1.246.076.406.240</u>	<u>1.385.618.253.779</u>	<u>264.243.284.553</u>

Trong đó

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	21.860.262.638	2.324.979.479
Thuế và các khoản phải trả Nhà nước	425.645.394.730	266.568.264.032

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Dự án Biên Đông	500.575.929.368	376.007.151.363
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú	96.572.281.670	96.572.281.670
Dự án Booster Compressor	30.942.517.931	31.064.607.924
Chi phí hoạt động khảo sát tàu địa chấn 2D/3D	30.639.586.866	30.639.586.866
Lãi vay phải trả các Tổ chức tín dụng	14.224.384.656	28.089.718.081
Lãi vay phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	62.493.812.267	104.637.167.612
Lãi trả chậm phải trả PVEP do nhận chuyển nhượng tàu Bình Minh 02	6.626.793.511	16.566.983.777
Dự án Thăng Long - Đông Đô	46.503.907.701	8.242.348.865
Dự án Hải Sư Trắng Đen	471.648.192.359	534.661.402.034
Chi phí hoạt động tàu Ruby II	21.272.140.015	12.312.448.662
Dự án khối thượng tầng giàn Công nghệ trung tâm Heera (HRD)	150.050.298.503	72.664.480.009
Trích trước chi phí sửa chữa lớn Sà lan PTSC 01 và POS 01	60.696.000.000	13.488.000.000
Trích trước dự án Huc Zawtica & Cow	23.504.519.114	10.952.047.938
Dịch vụ cung ứng tàu khảo sát địa chấn 2D/3D	56.782.839.247	69.443.681.820
Chi phí thực hiện dịch vụ tàu CGGV Amadeus, Bình Minh 02	101.048.002.482	47.355.178.996
Chi phí Dự án HUC MT, HUC HT & COW phải trả	17.681.304.936	-
Chi phí lương phải trả	70.295.010.105	-
Chi phí cho thuê kho nổi FPSO Lam Sơn phải trả	109.523.998.540	-
Dịch vụ khảo sát sửa chữa công trình ngầm - thuê ngoài phải trả	99.568.500.384	-
Chi phí Dự án EOR JVPC phải trả	148.033.872.447	-
Dự án Sư Tử Nâu	60.168.614.096	-
Dự án MLS	56.603.255.918	-
Dự án Sư Tử Vàng 6X	15.934.397.664	-
Chi phí sửa chữa lớn tàu PTSC phải trả	27.900.000.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh phải trả	22.340.359.911	-
Chi phí dự án TOPAZ LPS phải trả	7.596.593.932	-
Chi phí hoạt động tàu FSO Biên Đông 01 phải trả	3.310.149.843	-
Chi phí cải huấn dự án nhà máy lọc dầu phải trả	5.493.599.119	-
Tiền thuê đất Cảng Phú Mỹ năm 2014 phải trả	6.935.626.925	-
Chi phí của dự án Dừa phải trả	5.140.341.705	-
Chi phí thuê tàu Yaya Vanguard phải trả	4.137.525.000	-
Chi phí khí công nghiệp phải trả	5.015.973.760	-
Chi phí sửa chữa tàu Amadeus phải trả	10.388.233.749	-
Chi phí phải trả khác	41.257.284.388	26.005.356.345
	<u>2.390.905.848.112</u>	<u>1.478.702.441.962</u>

505
GTY
N
25
HUA
IN
HI MI
TF

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (i)	659.379.970.020	651.690.052.096
Tập đoàn Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam ("Vinashin") (ii)	398.814.424.040	392.423.879.800
Liên doanh PTSC Asia Pacific Pte Ltd ("PTSC AP")	-	210.710.000.000
Gulf Marine Far East (Pte) Ltd (iii)	14.743.364.843	19.360.675.470
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6.325.698.882	9.141.595.771
Tổng Công ty Xây dựng Đường Thủy	9.289.752.728	10.686.875.586
Phải trả cổ tức các cổ đông (iv)	546.023.498.123	6.512.583.673
Tiền lương thưởng phải trả người lao động	77.302.663.254	21.289.294.687
Intermore Pte Ltd	1.881.921.030	19.526.026.027
Công ty TNHH Một thành viên Cảng Thanh Hóa (thuộc UBND Thanh Hóa)	39.338.750.137	39.338.750.137
PC Vietnam Limited ("Petronas")	10.752.883.027	8.273.086.586
Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước	7.293.213.649	6.736.023.440
Nordic Maritime Pt. Ltd	6.390.000.000	6.321.300.000
Mastek Oil Tools Sdn.Bhd	-	15.526.461.240
Công ty Cổ phần Bọc ống Dầu khí Việt Nam	-	5.647.399.623
Các khoản khác liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh	26.287.562.495	10.694.553.341
Thuế Thu nhập cá nhân	10.122.225.760	-
Kho bạc Nhà nước	19.946.974.567	-
Mitra Energy (Vietnam - Tho Chu) Pte Ltd	23.566.692.671	-
Yinson Offshore LTD	18.523.369.217	-
CGG Services Indonesia	9.449.780.358	-
Pacific Richfield marine pte ltd (PRM)	4.779.530.763	-
Santos Vietnam Pty Ltd	5.517.359.313	-
Khác	71.502.846.585	72.597.376.784
	<u>1.967.232.481.462</u>	<u>1.506.475.934.261</u>

- (i) Khoản phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam bao gồm các khoản chính như giá trị chuyển nhượng Nhà máy Đóng tàu Nhơn Trạch 355.559.451.500 đồng và số phải trả đến hạn trong năm 2013 của giá trị chuyển nhượng cảng Nghi Sơn, Thanh Hóa với số tiền là 281.833.300.000 đồng.
- (ii) Khoản phải trả cho Tổng Công ty Công nghiệp Tàu thủy Việt Nam (gọi tắt là "Vinashin") là khoản thanh toán đợt cuối chi phí đóng mới kho nổi chứa dầu FSO5 mà Công ty mẹ là chủ đầu tư và Vinashin là nhà thầu thực hiện. Khoản phải trả này sẽ bù trừ một phần với khoản phải thu từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam như đã nêu tại Thuyết minh số 5 bên trên khi hai bên quyết toán giá trị tài sản này.
- (iii) Khoản phải trả Gulf Marine Far East (Pte) Ltd là khoản phải trả về phần nhiên liệu chưa sử dụng hết trên các tàu mà Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí thuê từ Gulf Marine Far East (Pte) Ltd.
- (iv) Khoản phải trả cổ tức cho các cổ đông là cổ tức của năm 2013 đang thực hiện thủ tục để trả cho các cổ đông với số tiền là 536,04 tỷ đồng và cổ tức các năm trước mà các cổ đông chưa lưu ký chưa thực hiện thủ tục để nhận là 8,71 tỷ đồng.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***18. PHẢI TRẢ DÀI HẠN NGƯỜI BÁN**

Phải trả dài hạn người bán thể hiện khoản công nợ liên quan đến giá trị chuyển nhượng tàu Bình Minh 02 từ Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí. Khoản nợ này được thanh toán đều trong vòng 8 năm với số tiền 66.267.935.110 đồng/năm, kể từ ngày 04 tháng 11 năm 2011 và kết thúc vào ngày 01 tháng 01 năm 2018.

19. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Đồng Việt Nam	698.957.263.114	895.459.691.297
Đô la Mỹ	2.184.575.400.168	2.399.764.623.739
	<u>2.883.532.663.282</u>	<u>3.295.224.315.036</u>

Vay dài hạn bằng đồng Việt Nam bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước. Các khoản vay này có lãi suất vay từ lãi suất từ 4,1%/năm đến 10,5%/năm.

Vay dài hạn bằng Đô la Mỹ bao gồm các khoản vay từ các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam. Các khoản lãi vay này có lãi suất vay từ 1,63%/năm đến 5,65%/năm.

Mục đích các khoản vay dài hạn của PTSC chủ yếu là đầu tư tài sản dài hạn như Cảng, tàu dịch vụ dầu khí, thiết bị chuyên ngành dịch vụ kỹ thuật dầu khí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và góp vốn liên doanh các dự án FSO/FPSO với các đối tác nước ngoài.

Các khoản vay dài hạn được bảo lãnh bởi Tập đoàn Dầu khí Việt Nam hoặc bảo đảm bằng tài sản và chi phí xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ các khoản vay như đã trình bày trong Thuyết minh số 7 hoặc không có bảo đảm.

Số dư các khoản vay bằng Đô la Mỹ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 tương đương 102.562.225 Đô la Mỹ (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 113.863.135 Đô la Mỹ).

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng 1 năm	785.570.703.299	823.523.893.035
Năm thứ 2	752.282.155.919	757.947.843.922
Từ 3 năm đến 5 năm	1.299.166.972.327	1.622.859.278.217
Trên 5 năm	46.512.831.737	90.893.299.862
	<u>2.883.532.663.282</u>	<u>3.295.224.315.036</u>
Trừ số vay dài hạn phải trả trong vòng 1 năm (trình bày trong phần vay và nợ ngắn hạn (Thuyết minh số 14))	<u>785.570.703.299</u>	<u>823.523.893.035</u>
Số phải trả sau 12 tháng	<u>2.097.961.959.983</u>	<u>2.471.700.422.001</u>

20. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản dự phòng bảo hành các công trình dầu khí tại Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Tổng công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ và năm trước.

	Chi phí phải trả và các khoản dự phòng khác <u>VND</u>	Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện <u>VND</u>	Lợi nhuận chưa thực hiện <u>VND</u>	Khấu hao TSCĐ <u>VND</u>	Lợi nhuận từ công ty liên doanh <u>VND</u>	Tổng <u>VND</u>
Tại ngày 01/01/2013	33.508.706.840	(7.245.817.063)	5.576.953.747	100.639.194.524	(96.543.771.973)	35.935.266.075
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	23.727.826.948	1.742.742.549	(4.444.979.900)	(33.295.242.931)	(29.167.531.046)	(41.437.184.380)
Tại ngày 31/12/2013	57.236.533.788	(5.503.074.514)	1.131.973.847	67.343.951.593	(125.711.303.019)	(5.501.918.305)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	(11.218.464.690)	(1.378.054.514)	981.403.217	(9.031.197.499)	(34.695.414.484)	(55.341.727.970)
Tại ngày 30/6/2014	<u>46.018.069.098</u>	<u>(6.881.129.028)</u>	<u>2.113.377.064</u>	<u>58.312.754.094</u>	<u>(160.406.717.503)</u>	<u>(60.843.646.275)</u>

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập báo cáo tài chính.

	30/6/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(167.287.846.531)	(131.214.377.533)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	<u>106.444.200.256</u>	<u>125.712.459.228</u>
	<u>(60.843.646.275)</u>	<u>(5.501.918.305)</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, các công ty con là Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC và Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ có các khoản lỗ tính thuế là 413.449.381.468 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 430.088.941.645 đồng) có thể được sử dụng để khấu trừ vào lợi nhuận trong tương lai. Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC và Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ không ghi nhận tài sản thuế hoãn lại cho khoản lỗ này do không chắc chắn về lợi nhuận thu được trong tương lai. Khoản lỗ này có thể được mang sang trong thời hạn tối đa 5 năm kể từ năm phát sinh lỗ, theo đó, khoản lỗ này sẽ hết hạn lần lượt vào năm 2017 và năm 2018 với số tiền là 412.245.287.292 đồng và 1.204.094.176 đồng.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cổ phần	30/6/2014	31/12/2013
- Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	446.700.421	446.700.421
- Số lượng cổ phần đã bán ra công chúng	446.700.421	446.700.421
- Số lượng cổ phần đang lưu hành	446.700.421	446.700.421

Tổng công ty chỉ có một loại cổ phần thường không hưởng cổ tức cố định với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Cổ đông sở hữu cổ phần thường được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng công ty.

Chi tiết vốn điều lệ tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 như sau:

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Tổng công ty là 4.467.004.210.000 đồng (năm 2013: 4.467.004.210.000 đồng). Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Tại ngày 30/6/2014		Tại ngày 31/12/2013	
	Tỷ lệ %	VND	Tỷ lệ %	VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	51,38	2.295.000.000.000	51,38	2.295.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam ("PVcombank")	6,69	298.843.000.000	5,84	260.945.000.000
Nhóm quỹ FTIF-Templeton Frontier Markets	5,84	260.873.000.000	6,14	274.181.740.000
Các cổ đông khác	36,09	1.612.288.210.000	36,64	1.636.877.470.000
	100,00	4.467.004.210.000	100,00	4.467.004.210.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

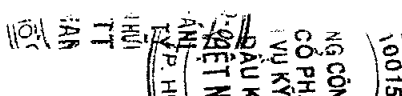
MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thay đổi của vốn chủ sở hữu trong năm như sau:

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc vốn chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Các quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2013	2.978.020.940.000	486.222.151.515	11.368.196.468	-	1.201.827.912.561	1.618.854.509.603	6.296.293.710.147
Tăng vốn điều lệ	1.488.983.270.000	(446.675.940.000)	-	-	-	-	1.042.307.330.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	1.699.667.161.043	1.699.667.161.043
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(124.078.338.447)	(124.078.338.447)
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	145.677.698.472	(309.814.421.463)	(164.136.722.991)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(521.152.304.500)	(521.152.304.500)
PTSC M&C tăng vốn điều lệ từ vốn và quỹ khác	-	-	(10.123.134.893)	-	(3.593.293.177)	13.716.428.070	-
Điều chỉnh Lợi ích cổ đông thiểu số năm trước	-	-	-	-	-	34.373.000.506	34.373.000.506
Thanh lý khoản đầu tư công ty con	-	-	-	-	-	6.554.412.671	6.554.412.671
Khác	-	(6.971.678)	(1.245.061.575)	-	(919.153.845)	3.531.163.587	1.359.976.489
Tại ngày 31/12/2013	4.467.004.210.000	39.539.239.837	-	-	1.342.993.164.011	2.421.651.611.070	8.271.188.224.918
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	883.854.572.647	883.854.572.647
Lợi ích cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	(84.245.212.338)	(84.245.212.338)
Điều chỉnh mua PVS trong kỳ	-	-	-	-	3.357.513.145	4.032.829.340	7.390.342.485
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	500.859.475.132	(686.340.136.827)	(185.480.661.695)
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(536.040.505.200)	(536.040.505.200)
Điều chỉnh lợi nhuận các công ty liên doanh, liên kết các năm trước	-	-	-	-	-	(2.711.389.393)	(2.711.389.393)
Khác	-	6.420.163	-	-	(987.588.315)	(2.920.236.164)	(3.901.404.316)
Tại ngày 30/6/2014	4.467.004.210.000	39.545.660.000	-	-	1.846.222.563.973	1.997.281.533.135	8.350.053.967.108

Theo Nghị quyết số 380/QĐ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 19 tháng 4 năm 2014 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam, các cổ đông của Tổng công ty đã phê duyệt tỷ lệ chia cổ tức của năm 2013 là 12% trên mệnh giá cổ phần với số tiền 536.040.505.200 đồng, trích Quỹ dự phòng tài chính là 57.581.519.955 đồng, trích Quỹ khen thưởng và Quỹ phúc lợi là 138.195.647.893 đồng, trích Quỹ đầu tư phát triển là 419.812.726.060 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng công ty đã thực hiện trích lập các quỹ và đang làm thủ tục cho các cổ đông nhận cổ tức theo Nghị quyết nêu trên.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số được xác định như sau:

Đơn vị: VND

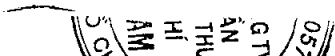
	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Tổng
Vốn điều lệ của công ty con (đồng)	400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	1.171.498.641.420	21.885.800.000	3.243.384.441.420
<i>Trong đó:</i>									
Vốn phân bổ cho Tổng công ty (đồng)	339.807.000.000	102.000.000.000	285.581.000.000	208.645.000.000	218.773.000.000	204.000.000.000	597.817.104.000	15.300.000.000	1.971.923.104.000
Vốn phân bổ cho cổ đông thiểu số (đồng)	60.193.000.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	196.000.000.000	573.681.537.420	6.585.800.000	1.271.461.337.420
Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số	15,05%	49,00%	4,81%	40,39%	45,31%	49,00%	48,97%	30,09%	

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ như sau:

Đơn vị: VND

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Tổng
Lợi nhuận trong kỳ (đồng)	154.587.738.802	15.710.917.809	12.285.079.405	4.404.683.976	9.702.247.835	15.038.865.455	77.736.703.536	3.596.790.120	293.063.026.938
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số (đồng)	23.262.749.404	7.698.349.726	590.461.866	1.778.926.010	4.395.773.171	7.369.044.073	38.067.574.320	1.082.333.768	84.245.212.338

Handwritten signature



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Đơn vị: VND

	Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng công trình dầu khí biển PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Khoai thác Dầu khí PTSC	Công ty Cổ phần Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thuận Hóa	Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đinh Vũ	Công ty TNHH Khảo sát Địa vật lý PTSC-CGGV	Công ty Cổ phần Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam	Tổng
Tổng tài sản	2.303.956.100.548	367.901.074.539	845.764.738.884	484.329.319.937	531.030.396.275	692.165.389.035	2.806.006.355.726	81.391.352.971	8.112.544.727.915
Tổng nợ phải trả	1.612.522.026.997	144.734.765.895	930.094.157.996	127.643.310.926	111.583.279.165	286.357.100.298	1.253.724.742.022	50.366.212.267	4.517.025.595.566
Tài sản thuần	691.434.073.551	223.166.308.644	(84.329.419.112)	356.686.009.011	419.447.117.110	405.808.288.737	1.552.281.613.704	31.025.140.704	3.595.519.132.349
<i>Chi tiết như sau:</i>									
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	400.000.000.000	200.000.000.000	300.000.000.000	350.000.000.000	400.000.000.000	400.000.000.000	1.171.498.641.420	21.885.800.000	3.243.384.441.420
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	(140.000.000)	-	-	(140.000.000)
Quỹ đầu tư phát triển	8.715.964.235	1.558.742.623	2.488.791.808	9.300.175.388	9.171.641.621	-	-	3.201.824.016	34.437.139.691
Quỹ dự phòng tài chính	29.120.000.000	4.653.235.786	2.218.458.743	581.260.962	573.227.654	-	-	1.600.912.009	38.747.095.154
Lợi nhuận chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	253.598.109.316	16.954.330.235	(389.036.669.663)	(3.195.427.339)	9.702.247.835	5.948.288.737	380.782.972.284	4.336.604.679	279.090.456.084
Lợi ích của cổ đông thiểu số									
<i>Chi tiết như sau:</i>									
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	60.193.000.000	98.000.000.000	14.419.000.000	141.355.000.000	181.227.000.000	196.000.000.000	573.681.537.420	6.585.800.000	1.271.461.337.420
Thặng dư vốn cổ phần	-	-	-	-	-	(68.600.000)	-	-	(68.600.000)
Quỹ đầu tư phát triển	1.311.600.088	763.783.885	119.619.630	3.756.075.120	4.155.372.740	-	-	963.481.920	11.069.933.383
Quỹ dự phòng tài chính	4.382.050.400	2.280.085.535	106.626.522	234.754.695	259.710.820	-	-	481.740.960	7.744.968.932
Lợi nhuận chưa phân phối/ (Lỗ lũy kế)	38.162.077.485	8.307.621.815	(18.698.399.133)	(1.290.541.804)	4.395.773.171	2.914.661.481	186.468.983.608	1.304.956.232	221.565.132.855
	<u>104.048.727.973</u>	<u>109.351.491.235</u>	<u>(4.053.152.981)</u>	<u>144.055.288.011</u>	<u>190.037.856.731</u>	<u>198.846.061.481</u>	<u>760.150.521.028</u>	<u>9.335.979.112</u>	<u>1.511.772.772.590</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN**24. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được chia thành bảy bộ phận kinh doanh với hoạt động chủ yếu như sau:

Bộ phận kinh doanh	Hoạt động
Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Cho thuê và cho thuê lại tàu dịch vụ dầu khí
Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPSO	Dịch vụ cung cấp kho nổi, chứa, xử lý và xuất dầu thô
Dịch vụ khảo sát địa chấn địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV
Cung cấp dịch vụ căn cứ cảng	Cung cấp dịch vụ căn cứ cảng, cho thuê văn phòng và cung cấp dịch vụ khác có liên quan
Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí
Sửa chữa, vận hành và lắp đặt	Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí
Cung cấp các dịch vụ khác	Cung cấp các dịch vụ khác phục vụ cho ngành dầu khí

Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo bảy bộ phận kinh doanh như sau:

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014:

Đơn vị: VND

	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPSO	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ căn cứ cảng	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Tài sản									
Tài sản bộ phận	3.514.556.057.607	3.405.319.904.722	3.971.224.942.112	4.361.981.005.566	7.637.747.539.661	2.600.204.919.105	385.925.789.987	(3.721.751.526.112)	22.155.208.632.648
Lãi từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	802.443.688.044
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	<u>3.270.123.058.717</u>
Tổng tài sản hợp nhất									<u>26.227.775.379.409</u>
Nợ phải trả									
Nợ phải trả bộ phận	3.477.369.839.098	1.287.034.282.157	2.560.920.707.448	2.545.857.217.396	7.248.272.581.205	1.940.581.810.675	148.080.788.549	(3.721.751.526.112)	15.486.365.700.416
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	<u>879.582.939.295</u>
Tổng nợ phải trả hợp nhất									<u>16.365.948.639.711</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013:

Đơn vị: VND

	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPPO	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV	Dịch vụ căn cứ cảng	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Tài sản									
Tài sản bộ phận	3.950.157.803.115	3.324.152.944.199	3.644.560.087.326	4.465.165.109.962	6.937.519.536.823	2.040.666.681.074	340.027.294.432	(3.865.067.468.483)	20.837.181.988.448
Lãi từ công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	635.026.841.704
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	2.344.304.005.796
Tổng tài sản hợp nhất									<u>23.816.512.835.948</u>
Nợ phải trả									
Nợ phải trả bộ phận	3.734.679.583.793	1.174.247.351.168	2.238.411.605.130	2.808.083.569.616	6.172.700.523.962	1.475.375.291.159	138.603.304.788	(3.865.067.468.483)	13.877.039.066.237
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	242.951.599.105
Tổng nợ phải trả hợp nhất									<u>14.119.990.665.342</u>

MHL



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

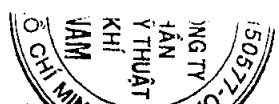
MẪU B 09 - DN/HN

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 như sau:

Đơn vị: VND

	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý dầu thô FSO/FPSO	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV	Dịch vụ càn cứ cảng	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Doanh thu									
Doanh thu thuần từ bán ra bên ngoài	3.214.101.249.130	953.838.932.205	1.912.780.451.805	918.237.035.782	4.490.520.600.004	1.673.563.922.790	234.127.273.706		13.397.169.465.422
Doanh thu thuần từ bán cho các bộ phận khác	112.269.545.330	61.632.478.664	134.065.327.066	92.939.504.042	53.221.487.423	310.226.286.562	33.743.251.873	(798.097.880.960)	-
Tổng doanh thu	3.326.370.794.460	1.015.471.410.869	2.046.845.778.871	1.011.176.539.824	4.543.742.087.427	1.983.790.209.352	267.870.525.579	(798.097.880.960)	13.397.169.465.422
Giá vốn									
Giá vốn bán ra bên ngoài	2.920.064.822.982	890.951.521.371	1.718.462.661.648	716.564.169.688	4.303.782.010.884	1.457.626.572.938	201.963.292.036		12.209.415.051.547
Giá vốn bán cho các bộ phận khác	112.269.545.330	60.902.126.550	131.447.075.755	92.939.504.042	31.615.678.730	303.422.023.535	16.569.099.572	(749.165.053.514)	-
Tổng giá vốn	3.032.334.368.312	951.853.647.921	1.849.909.737.403	809.503.673.730	4.335.397.689.614	1.761.048.596.473	218.532.391.608	(749.165.053.514)	12.209.415.051.547
Lợi nhuận gộp									
Lợi nhuận gộp bộ phận	294.036.426.148	62.837.410.834	194.317.790.157	201.672.866.094	186.738.589.120	215.937.349.852	32.163.981.670	-	1.187.754.413.875
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý	-	-	-	-	-	-	-	-	347.095.723.543
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-	8.214.616.704
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-	-	-	-	-	-	-	-	848.873.307.036
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	-	-	-	-	-	-	-	-	63.791.165.107
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết	-	-	-	-	-	-	-	-	217.497.635.733
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	-	-	-	-	-	1.130.162.107.876
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-	-	-	-	-	190.965.807.259
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	-	-	-	-	-	-	-	-	55.341.727.970
Lợi nhuận trong kỳ									883.854.572.647

Handwritten signature/initials



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
 Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất
 Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN

Cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:

Đơn vị: VND

	Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí	Dịch vụ cung ứng tàu chứa và xử lý đầu thô FSO/FPSO	Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV	Dịch vụ căn cứ cảng	Cơ khí, đóng mới và xây lắp	Sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển	Dịch vụ khác	Loại trừ	Tổng
Doanh thu									
Doanh thu thuần từ bán ra bên ngoài	2.112.852.352.032	406.557.207.142	1.538.864.394.121	603.237.820.506	5.738.057.216.549	531.944.486.382	693.018.880.610	-	11.624.532.357.342
Doanh thu thuần từ bán cho các bộ phận khác	96.693.802.403	22.293.759.942	385.116.438.766	94.638.335.390	17.595.027.143	1.130.583.113.801	109.427.553.180	(1.856.348.030,625)	-
Tổng doanh thu	2.209.546.154.435	428.850.967.084	1.923.980.832.887	697.876.155.896	5.755.652.243.692	1.662.527.600.183	802.446.433.790		13.480.880.387.967
Giá vốn									
Giá vốn bán ra bên ngoài	1.862.064.631.003	357.221.852.345	1.301.837.083.061	466.949.466.665	5.496.997.792.313	440.114.496.843	682.186.209.524	-	10.607.371.531.754
Giá vốn bán cho các bộ phận khác	96.693.802.403	22.293.759.942	385.116.438.766	94.638.335.390	17.595.027.143	1.130.583.113.801	65.937.270.664	(1.812.857.748,109)	-
Tổng giá vốn	1.958.758.433.406	379.515.612.287	1.686.953.521.827	561.587.802.055	5.514.592.819.456	1.570.697.610.644	748.123.480.188		12.420.229.279.863
Lợi nhuận gộp									
Lợi nhuận gộp bộ phận	250.787.721.029	49.335.354.797	237.027.311.060	136.288.353.841	241.059.424.236	91.829.989.539	10.832.671.086	-	1.017.160.825.588
Chi phí bán hàng và chi phí quản lý									362.752.825.266
Lợi nhuận thuần từ hoạt động tài chính									11.770.342.974
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh									666.178.343.296
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác									35.782.232.682
Phần lợi nhuận trong các công ty liên kết									125.431.739.764
Lợi nhuận trước thuế									827.392.315.742
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp									158.984.603.489
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại									<u>75.802.060.312</u>
Lợi nhuận trong kỳ									<u><u>592.605.651.941</u></u>

Tổng công ty chỉ hoạt động ở một khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Do đó, Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

MBK



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

MẪU B 09 - DN/HN

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	1.564.202.927.450	1.403.619.879.599
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.901.189.339.368	5.891.974.402.769
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	2.931.777.198.604	4.329.361.222.517
	<u>13.397.169.465.422</u>	<u>11.624.955.504.885</u>
Các khoản giảm trừ doanh thu		
- Giảm giá hàng bán	-	423.147.543
	<u>13.397.169.465.422</u>	<u>11.624.532.357.342</u>

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	1.483.120.870.618	1.342.479.963.043
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.896.582.649.010	5.100.420.777.078
Giá vốn hợp đồng xây dựng	2.829.711.531.919	4.164.470.791.633
	<u>12.209.415.051.547</u>	<u>10.607.371.531.754</u>

27. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.658.176.250.978	1.396.147.160.782
Chi phí nhân công	1.125.256.189.529	792.552.922.148
Chi phí khấu hao tài sản cố định	486.297.779.174	492.463.998.235
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.627.384.429.503	9.515.096.344.649
Chi phí khác	412.168.328.583	330.781.544.834
	<u>13.309.282.977.767</u>	<u>12.527.041.970.648</u>

28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	68.137.226.193	113.790.558.665
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	33.201.000.050	9.110.293.097
Doanh thu hoạt động tài chính khác	46.097	2.309.485.181
	<u>101.338.272.340</u>	<u>125.210.336.943</u>

0100
TỔNG C
CỔ PH
CH VỤ K
DẦU K
VIỆT N
TP. HỒ
2E
1
3N
HI
1
1
1P

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	- Từ 01/01/2014 - đến 30/6/2014 VND	- Từ 01/01/2013 - đến 30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay	52.598.834.493	82.888.477.777
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	17.154.202.921	5.398.750.737
Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện (Hoàn nhập)/Dự phòng các khoản đầu tư dài hạn	14.133.097.318 (2.070.039.602)	2.152.412.769 863.951.047
Chi phí tài chính khác	11.307.560.506	22.136.401.639
	<u>93.123.655.636</u>	<u>113.439.993.969</u>

30. THU NHẬP KHÁC

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	9.606.408.818	651.721.678
Thu từ bồi thường	8.522.367.157	221.645.764
Hoàn nhập các chi phí liên quan đến dự án sửa chữa tàu biển Nghi Sơn	29.621.687.266	-
Hoàn nhập các chi phí liên quan đến dự án nhà máy đóng tàu Nhơn Trạch	18.320.980.480	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản đem đi góp vốn	-	6.903.284.511
Thu nhập cung cấp nhân sự quản lý cho MVOT từ năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2012	-	25.258.369.270
Hoàn nhập dự phòng chi phí thanh lý tàu Ruby Princess	-	20.319.272.698
Các khoản thu nhập khác	5.780.364.630	4.989.850.487
	<u>71.851.808.351</u>	<u>58.344.144.408</u>

31. CHI PHÍ KHÁC

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Phạt, bồi thường	785.978.237	8.508.069.384
Chi thanh lý tài sản cố định	1.156.205.850	-
Chi phí dự án Cảng quốc tế PVTrans đã dừng triển khai	-	5.833.899.600
Chi phí sửa chữa	4.039.225.619	-
Các khoản chi phí khác	2.079.233.538	8.219.942.742
	<u>8.060.643.244</u>	<u>22.561.911.726</u>



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***32. LỢI NHUẬN THUẦN TỪ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH**

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí	(2.510.474.429)	(47.836.123.552)
Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12	2.914.327.218	10.184.833.272
Malaysia VietNam Offshore Terminal Limited	61.059.360.462	61.831.294.058
Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited	2.968.402.804	11.070.232.711
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình	382.587.233	(1.365.810.179)
Công ty Cổ phần Bảo vệ An ninh Dầu khí		945.435.487
Công ty Liên doanh PTSC SEA	126.848.555.212	84.403.669.250
Công ty Liên doanh PTSC AP	25.415.299.773	6.221.340.325
Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp - Dịch vụ Dầu khí Sơn Trà	419.577.460	(23.131.608)
	<u>217.497.635.733</u>	<u>125.431.739.764</u>

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	1.130.162.107.876	827.392.315.742
Các khoản điều chỉnh tăng	428.948.033.921	376.718.588.617
Các khoản điều chỉnh giảm	<u>(651.699.117.553)</u>	<u>(572.890.303.226)</u>
Thu nhập chịu thuế	907.411.024.244	631.220.601.133
Chuyển lỗ các năm trước	(16.639.560.177)	-
Thu nhập tính thuế	890.771.464.067	631.220.601.133
Thuế thu nhập doanh nghiệp	195.969.722.094	158.373.069.359
Miễn giảm thuế (i)	(5.337.798.451)	(663.070.063)
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung	342.858.628	1.156.211.061
Điều chỉnh thuế	<u>(8.975.012)</u>	<u>118.393.132</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>190.965.807.259</u>	<u>158.984.603.489</u>

Theo Thông tư số 78/2014/TT- BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014, Công ty mẹ và các công ty con có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 22% từ ngày 01 tháng 01 năm 2014.

(i) Miễn giảm thuế chủ yếu thể hiện số thuế được miễn trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế và được giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ và Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty mẹ được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Tổng công ty	799.609.360.309	542.204.283.143
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	799.609.360.309	542.204.283.143
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	446.700.421	408.693.634
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.790	1.327

35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2014, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê tàu hoạt động; thuê đất tại Vũng Tàu với mục đích làm văn phòng cho Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí và Công ty Cổ phần Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC; thuê đất với mục đích kinh doanh dịch vụ Cảng của Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ; thuê tài sản với mục đích kinh doanh dịch vụ khách sạn của Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC không hủy ngang với tổng số tiền thuê là 3.443.903 triệu đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.016.964 triệu đồng).

Các hợp đồng thuê tàu được ký với thời hạn từ 1 năm đến 5 năm tính từ năm 2013. Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với kỳ hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002. Thỏa thuận trong hợp đồng thuê tài sản đến năm 2021.

36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**Quản lý rủi ro vốn**

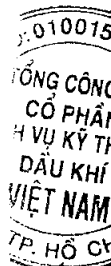
Tổng công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 14 và 19, trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền), phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng công ty (bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Tổng công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2014 VND	31/12/2013 VND
Các khoản vay	3.112.162.939.170	3.523.854.590.924
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	7.574.278.371.682	5.856.522.432.948
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	8.350.053.967.108	8.271.188.224.918
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	-



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.574.278.371.682	5.856.522.432.948
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.994.895.386.008	7.291.669.990.139
Đầu tư tài chính	190.779.385.345	196.728.582.944
Các khoản ký quỹ	35.542.342.322	21.980.581.350
Tổng cộng	15.795.495.485.357	13.366.901.587.381
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	3.112.162.939.170	3.523.854.590.924
Phải trả người bán và phải trả khác	7.320.610.614.916	6.167.049.804.130
Chi phí phải trả	2.320.610.838.007	1.478.702.441.962
Tổng cộng	12.753.384.392.093	11.169.606.837.016

Tổng công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn trong tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Tổng công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá các khoản đầu tư và giá hàng hóa), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Rủi ro này được Tổng công ty quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với các khách hàng theo đối ứng ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp và điều chỉnh linh hoạt giá bán hàng hoặc giá cung cấp dịch vụ khi có sự biến động lớn về tỷ giá.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2014	31/12/2013	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	7.583.356.817.630	7.452.433.742.526	5.652.188.294.199	5.073.887.497.916
Euro (EUR)	224.152.111.606	541.578.835	7.330.996.796	1.832.023.638
Bảng Anh (GBP)	65.311.829	6.303.774.358	1.599.699.413	6.135.753.123
Krone Na Uy (NOK)	-	-	1.281.430.196	-
Đô la Singapore (SGD)	5.395.370.393	6.466.886.581	412.481.306.576	16.586.826.102
Đô la Úc (AUD)	-	-	7.211.649	-

Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ

Tổng công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đồng Đô la Mỹ.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng công ty trong trường hợp tỷ giá Đồng Việt Nam tăng/giảm 1% so với Đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 1% được Ban Tổng Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Tổng Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 1% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đồng ngoại tệ dưới đây so với Đồng Việt Nam tăng 1% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tổng công ty sẽ tăng/(giảm) các khoản tương ứng như sau:

	30/6/2014	31/12/2013
	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	<u>19.311.685.234</u>	<u>23.785.462.446</u>

Dựa trên sự phân tích tương tự cho các ngoại tệ khác thì không có ảnh hưởng trọng yếu đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổng công ty.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng công ty chịu rủi ro lãi suất khi các đơn vị thuộc Tổng công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Độ nhạy của lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay đối với sự thay đổi lãi suất có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện trong bảng sau đây. Với giả định là các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi tăng/giảm 200 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Tổng công ty cho kỳ hoạt động kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 sẽ giảm/tăng 62.243.258.783 đồng (cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 sẽ giảm/tăng 77.352.250.017 đồng).

Quản lý rủi ro về giá các khoản đầu tư

Tổng công ty chịu rủi ro về giá của các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Hội đồng Quản trị của Tổng công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty. Tổng công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Tổng công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng công ty phải trả.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 – 5 năm VND	Sau 5 năm VND	Tổng VND
30/6/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.574.278.371.682	-	-	7.574.278.371.682
Phải thu khách hàng và phải thu khác	7.994.830.386.008	65.000.000	-	7.994.895.386.008
Đầu tư tài chính	-	155.869.023.070	34.910.362.275	190.779.385.345
Các khoản ký quỹ	32.935.433.769	2.606.908.553	-	35.542.342.322
Tổng cộng	15.602.044.191.459	158.540.931.623	34.910.362.275	15.795.495.485.357
30/6/2014				
Các khoản vay	1.014.200.979.187	2.051.449.128.246	46.512.831.737	3.112.162.939.170
Phải trả người bán và phải trả khác	6.107.827.627.535	1.212.744.987.381	38.000.000	7.320.610.614.916
Chi phí phải trả	2.320.610.838.007	-	-	2.320.610.838.007
Tổng cộng	9.442.639.444.729	3.264.194.115.627	46.550.831.737	12.753.384.392.093
Chênh lệch thanh khoản thuần	6.159.404.746.730	(3.105.653.184.004)	(11.640.469.462)	3.042.111.093.264



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt NamBáo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Trong kỳ, Tổng công ty đã có các giao dịch trọng yếu sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	30.062.000.960	625.554.689.157
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	10.824.565.403	24.330.704.366
Ban quản lý Dự án Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn	68.068.195.009	-
Ban quản lý dự án điện lực dầu khí Long Phú Sông Hậu	11.093.456.000	-
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	69.111.192.005	-
Tổng Công ty Phân bón và hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.604.534.116	1.742.858.224
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	24.906.191.167	1.828.912.248
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	5.133.539.304	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	85.464.844.977	1.572.036.526
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	46.983.767.534	66.295.777.234
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	4.988.697.786	3.675.324.685
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	11.829.015.667	3.269.136.616
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	29.511.609.753	19.645.455.091
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	4.305.274.292	-
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	151.510.571.172	115.047.521.265
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	3.422.340.343	5.019.045.343
	<u>3.422.340.343</u>	<u>5.019.045.343</u>
	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Chi phí lãi vay		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	19.283.769.542	27.496.244.575
	<u>19.283.769.542</u>	<u>27.496.244.575</u>
Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong kỳ:		
	Từ 01/01/2014 đến 30/6/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	6.085.053.723	4.895.069.415
	<u>6.085.053.723</u>	<u>4.895.069.415</u>

100
TỔNG CÔNG TY
CỔ PHẦN DỊCH VỤ
KỸ THUẬT DẦU KHÍ
VIỆT NAM
HỒ CHÍ MINH

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAMLầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)****MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***Số dư với các bên liên quan:**

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải thu		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	11.537.102.888	4.580.315.570
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	32.501.566.499	18.473.875.576
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	5.222.207.984	7.171.374.343
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan		
Dầu khí	30.544.686.096	49.000.669.734
Tổng Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí	3.097.098.175	4.254.769.478
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	86.146.544.979	2.709.341.693
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	277.676.387	918.940.058
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	14.482.161.204	5.970.175.906
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí		
- Công ty Cổ phần	11.941.230.442	10.159.091.019
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí		
- Công ty Cổ phần	5.432.781.848	9.751.021.867
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	10.786.319.796	6.513.479.106
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú		
Sông Hậu	442.555.124.796	442.519.421.436
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	24.553.568.273	7.193.244.591
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	39.754.057.959	33.779.584.667
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất	603.212.500	4.152.619.603
Ban quản lý dự án Nhà máy lọc dầu Dung Quất	1.303.921.584	-
Công ty TNHH MTV Phân bón Dầu khí Cà Mau	2.962.930.773	-
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	3.809.378.797	-
	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trả trước cho người bán		
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	-	73.838.109.358
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.301.175.000	1.301.175.000
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí	-	1.365.372.431
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.750.000.000	-
	<u>30/6/2014</u>	<u>31/12/2013</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản phải thu khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	3.600.534.469	2.927.589.014
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	228.755.275.888	228.630.275.888
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú		
Sông Hậu	572.075.082.100	561.165.082.100
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy		
Dung Quất	355.560.293.062	366.062.461.416
Tổng công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	79.818.603.856	-
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	1.892.898.197	1.502.213.982

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**MẪU B 09 - DN/HN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	30/6/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Phải trả		
Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy		
Dung Quát	-	2.170.560.392
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	-	72.150.000
Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam	6.708.147.790	7.959.841.947
Tổng Công ty Công nghệ năng lượng Dầu khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	1.212.619.508	2.630.261.701
Tổng Công ty Dung dịch khoan & Hóa phẩm Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.272.296.500	1.764.165.795
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp dầu khí	77.135.806.742	108.411.358.633
Tổng Công ty Cổ phần Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí	112.362.710.197	32.674.250.812
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	21.181.432.610	27.281.978.123
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	9.780.477.389	9.880.549.209
Tổng Công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí	265.071.740.439	331.339.675.549
Trường Cao đẳng nghề Dầu khí	8.876.157.919	12.790.568.758
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	-	836.080.938
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	243.674.476.308	8.544.942.891
Tổng Công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí - Công ty Cổ phần	<u>1.211.363.215</u>	<u>-</u>
Người mua trả tiền trước		
Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú		
Sông Hậu	1.330.090.882.732	1.325.908.043.665
Công ty TNHH MTV Lọc hóa dầu Bình Sơn	63.161.908.544	48.528.274.692
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	165.373.046.069	173.645.399.729
Ban quản lý dự án Công trình liên hợp lọc hóa dầu Nghi Sơn	<u>120.583.297.879</u>	<u>196.033.825.148</u>
Phải trả khác		
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	659.379.970.020	651.690.052.096
Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	6.325.698.882	9.141.595.771
Tổng Công ty Khí Việt Nam - Công ty Cổ phần	<u>-</u>	<u>5.647.399.623</u>
Vay ngắn hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	<u>228.630.275.888</u>	<u>481.449.512.279</u>
Vay dài hạn		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại chúng Việt Nam	<u>781.896.288.249</u>	<u>725.849.998.443</u>

38. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG

Trong năm 2013, Công ty Saipem Asia Sdn Bhd, nhà thầu phụ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC đã yêu cầu Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC thanh toán số tiền 31.106.778 Đô la Mỹ cho phần công việc phát sinh thêm liên quan đến Hợp đồng T&I số 88-2011/PTSC-LĐBD/MDV ký ngày 08 tháng 8 năm 2011 về việc vận chuyển và lắp đặt đường ống dẫn và cáp ngầm dưới biển và WHP-HT1, PQP-HT và BR-HT cho dự án phát triển Biển Đông.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Lầu 5, Tòa nhà PetroVietnam, Số 1- 5 Lê Duẩn, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ hoạt động từ 01/01/2014 đến 30/6/2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Theo kết quả đàm phán ngày 27 tháng 6 năm 2014 giữa Công ty Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình dầu khí biển PTSC, Chi nhánh Tập đoàn Dầu khí Việt Nam - Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông (chủ đầu tư dự án Biển Đông) và Công ty Saipem Asia Sdn Bhd, số tiền sau đàm phán có thể sẽ thanh toán cho Công ty Saipem Asia Sdn Bhd là 37.500.000 Đô la Mỹ.

Theo công văn số 4636/DKVN-KTDK ngày 08 tháng 7 năm 2014 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam đã phê duyệt đồng ý phương án đàm phán trên và đề nghị các bên hoàn tất các thủ tục pháp lý để giải quyết dứt điểm các phát sinh theo Hợp đồng đã ký giữa các bên trên nguyên tắc không làm vượt tổng ngân sách toàn dự án đã được phê duyệt.



Nguyễn Quang Chánh
Người lập biểu



Nguyễn Xuân Cường
Kế toán trưởng



Phan Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 8 năm 2014

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

